

BÁO CÁO
Sơ kết học kỳ I năm học 2022 - 2023

Căn cứ Công văn số 2525/SGDDĐT-GDTrH ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Sở GD&ĐT Bình Phước về việc hướng dẫn nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2022-2023;

Căn cứ Kế hoạch số 40/KH-THPT ngày 01 tháng 9 năm 2022 của trường THPT Thanh Hòa về triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023;

Thực hiện Công văn số 4101/SGDDĐT-GDTrH ngày 29/12/2022 của Sở GD&ĐT Bình Phước về việc hướng dẫn sơ kết và báo cáo tình hình thực hiện kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ 1 đối với Giáo dục trung học năm học 2022-2023;

Căn cứ vào tình hình thực tế, trường THPT Thanh Hoà báo cáo sơ kết học kỳ 1 năm học 2022-2023 như sau:

I. Quy mô phát triển trường, lớp và số lượng học sinh và đội ngũ CB-GV-NV

1. Học sinh

Từ đầu tháng 09 năm học 2022 - 2023 trường THPT Thanh Hòa có tổng cộng 30 lớp với tổng số học sinh là 1094 em. Đến thời điểm kết thúc học kỳ I, trường vẫn giữ nguyên số lớp là 30, với tổng số học sinh cả 3 khối 10,11,12 là 1086 em, giảm 08 học sinh so với đầu năm.

Số học sinh tuyển vào lớp 10 theo chỉ tiêu là 400 em. (Trong đó: có 22 em không đến nhập học). Như vậy, tổng khối 10 là 378 em.

Số học sinh chuyển đến 2 em;

Số học sinh chuyển trường 5 em,

Số học sinh bỏ học tính đến thời điểm hiện nay là 05 học sinh (0,45%) tương đương với học kỳ năm trước.

Nguyên nhân học sinh bỏ học: Do dịch Covid-19 phức tạp, một số HS học trực tuyến trong điều kiện hoàn cảnh khó khăn, ở vùng sâu vùng xa các em chán nản nên buộc phải bỏ học.

2. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Đội ngũ CB-GV-CNV: gồm 89 người (QL: 03, GV: 78 , CNV: 08). 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn, 5 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn. Có 9 tổ chuyên môn, 1 tổ văn phòng

Các tổ chức trong nhà trường bao gồm Đảng bộ với 42 đảng viên với 04 Chi bộ trực thuộc. Công đoàn, Đoàn thanh niên, Chi đoàn giáo viên, Hội chữ thập đỏ, Ban đại diện CMHS.

II. Đánh giá về chất lượng dạy và học trong học kì I, năm học 2022-2023

1. Công tác chỉ đạo xây dựng kế hoạch giáo dục

Thực hiện sự chỉ đạo, lãnh đạo của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT, Huyện ủy, UBND Huyện Bù Đốp. Trường THPT Thanh Hòa đã xây dựng các kế hoạch và các biện pháp thực hiện trong nhà trường cụ thể gồm:

Thực hiện Công văn số 2525/SGDDĐT-GDTrH ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Sở GD&ĐT Bình Phước về việc hướng dẫn nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2022-2023 và căn cứ vào tình hình thực tế ở đơn vị.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 40/KH-THPT ngày 01 tháng 9 năm 2022 về kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023. Nhà trường đã chỉ đạo đội ngũ Tổ trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ và thực hiện tham mưu xây dựng phân công giáo viên giảng dạy và tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch giáo dục và kế hoạch bài dạy đến toàn thể đội ngũ giáo viên.

Căn cứ vào đội ngũ cán bộ giáo viên, cơ sở vật chất và điều kiện cụ thể, ngoài nhóm các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, nhà trường xây dựng 6 phương án tổ hợp môn và nhóm các chuyên đề học tập cho học sinh lớp 10 lựa chọn (có Kế hoạch chi tiết kèm theo) như sau:

TT	Nhóm	Tổ hợp các môn học lựa chọn	Chuyên đề học tập	Số lớp
1	TN1	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Vật lí, Hóa học	2
2	TN2	Vật lí, Hóa học, Sinh học, CNCN	Toán, Vật lí, Văn	1
3	TN3	Vật lí, Hóa học, Sinh học, CNNN	Toán, Hóa học, Sinh học	1
4	XH1	Địa, Giáo dục KT & PL, Tin, CNCN	Văn, Sử, Địa	3
5	XH2	Địa, Giáo dục KT & PL, Tin, CNNN	Toán, Văn, Địa	2
6	XH3	Địa, Giáo dục KT & PL, Tin, CNNN	Văn, Sử, Giáo dục KT & PL	1
			Tổng cộng	10

Tổ chức dạy học chính khóa (buổi sáng) theo thời khóa biểu chung toàn trường cho các môn học bắt buộc chung, các môn học lựa chọn, nội dung giáo dục địa phương. Riêng môn GD Thể chất và 1 tiết của môn hoạt động hướng nghiệp – trải nghiệm dạy vào buổi chiều.

Các chuyên đề học tập: Chuyên đề học tập của môn học nào sẽ do tổ và giáo viên môn học đó phụ trách. Bố trí dạy từng tiết theo thời khóa biểu chung của toàn trường.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: có thể tổ chức trong và ngoài lớp học, trong và ngoài trường học; theo quy mô nhóm, lớp học, khối lớp hoặc quy mô trường; với bốn loại hình hoạt động chủ yếu là Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề và Hoạt động câu lạc bộ. Hoạt động này sẽ do CBQL, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, cán bộ Đoàn thực hiện. Các giáo viên phụ trách cùng với Đoàn trường xây dựng kế hoạch Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trong cả năm học.

Nội dung giáo dục địa phương: Có 7 chuyên đề về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương với thời lượng 35 tiết/năm. Tuỳ theo chủ

đề, nhà trường sẽ phân công GVCN lớp 10, giáo viên các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, GD KT&PL, Hoạt động TN&HN thực hiện. Dự kiến thuê giáo viên có chuyên môn âm nhạc, mỹ thuật dạy chuyên đề 4 và chuyên đề 6 nếu giáo viên trong nhà trường không đảm trách được.

Sử dụng đa dạng các hình thức tổ chức dạy học: dạy học trên lớp, ngoài lớp; dạy học theo chủ đề/chuyên đề; dạy học trải nghiệm, giáo dục STEM...

Xây dựng kế hoạch giáo dục mà nhà trường thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 bắt đầu từ năm học 2022 - 2023. Khi đó trong nhà trường sẽ có hai chương trình được giảng dạy: chương trình giáo dục phổ thông 2006 áp dụng đối với học sinh khối 11, khối 12 và chương trình giáo dục phổ thông 2018 áp dụng cho học sinh khối 10. Do đó cần tiến hành phân tích chương trình giáo dục, các môn học trong chương trình giáo dục, các môn học trong chương trình để xây dựng kế hoạch điều chỉnh nội dung dạy học của nhà trường.

Những văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn đơn vị, bao gồm:

a. Văn bản hướng dẫn chuyên môn dạy học chính khóa:

(1): Quyết định số 05/QĐ-THPT ngày 27/8/2022 về việc bổ nhiệm chức danh Tô trưởng, Tô phó năm học 2022-2023;

(2): Quyết định số 03/QĐ-THPT ngày 27/8/2022 về việc phân công giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp năm học 2022-2023;

(3): Quyết định số 04/QĐ-THPT ngày 27/8/2022 về việc phân công chuyên môn, năm học 2022-2023;

(4): Kế hoạch số 40/KH-THPT ngày 01/9/2022 về kế hoạch giáo dục nhà trường, năm học 2022-2023;

(5): Quyết định số 08/QĐ-THPT ngày 06/9/2022 về việc thành lập Hội đồng tư vấn tâm lí, đạo đức học sinh năm học 2022-2023;

(6): Quyết định số 16/QĐ-THPT ngày 13/10/2022 về việc thành lập Ban hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp năm học 2022-2023;

b. Văn bản hướng dẫn hoạt động dạy thêm, học thêm (DTHT):

(1): Kế hoạch số 04/KH-THPT ngày 05/9/2022 về việc tổ chức hoạt động DTHT dành cho học sinh, năm học 2022-2023;

(2): Quyết định số 09/QĐ-THPT ngày 05/9/2022 về việc thành lập Ban quản lí DTHT, năm học 2022-2023;

(3): Quyết định số 10/QĐ-THPT ngày 05/9/2022 về việc phân công chuyên môn DTHT, năm học 2022-2023;

(4): Hướng dẫn số 20/QĐ-THPT ngày 17/10/2022 về việc hướng dẫn thực hiện hoạt động sáng kiến, năm học 2022-2023;

c. Văn bản hướng dẫn hoạt động khảo thí:

(1): Quyết định số 19/QĐ-THPT ngày 14/10/2022 về việc thành lập Ban in, sao đề kiểm tra Thường xuyên, Định kì và tài liệu chuyên môn, năm học 2022-2023;

(2): Hướng dẫn số 25/HD-THPT ngày 27/10/2022 về việc hướng dẫn tổ chức kiểm tra Giữa kì I, năm học 2022-2023;

(3): Quyết định số 26/QĐ-THPT ngày 03/11/2022 về việc thành lập Hội đồng coi và chấm bài kiểm tra, đánh giá Giữa kì 1, năm học 2022-2023;

2. Công tác chỉ đạo, tổ chức quản lý hoạt động chuyên môn

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ và Sở GD&ĐT về công tác đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học và kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực của học sinh; chú trọng vào dạy chắc nội dung chính khóa, ôn tập củng cố kiến thức cũ và vận dụng các dạng bài tập nâng cao vào công tác phụ đạo nhằm giúp HS nắm chắc, vững để tự tin bước vào các kỳ thi sắp tới. Ngay từ đầu năm đến nay, nhà trường đã chỉ đạo tập thể sự phạm nhà trường thực hiện thường xuyên, rộng rãi về công tác đổi mới, đặc biệt là đổi mới soạn giảng, trình bày trên máy tính (đặc biệt là lớp 10); nghiên cứu phương pháp dạy tối ưu nhất để áp dụng vào giảng dạy. Đa số các giáo viên đều có ý thức tốt trong việc đổi mới phương pháp, dạy học đúng PPCT, bám sát theo chuẩn kỹ năng kiến thức và tham gia nhiệt tình, từ đó đã góp phần hạn chế tối đa việc dạy thụ động, dạy chay, học chay, học vẹt, học tủ của giáo viên và học sinh. Việc khai thác và ứng dụng CNTT trong dạy học đã được các giáo viên chú trọng, tổ chức thực hiện khá tốt như: Soạn giảng bằng giáo án điện tử, khai thác mạng Internet, truy cập vào các trang Web để tìm tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy, hướng dẫn học sinh sử dụng và khai thác mạng Internet để tìm tài liệu học tập... Nhìn chung, công tác đổi mới phương pháp dạy học của nhà trường đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, song trong quá trình thực hiện vẫn còn nhiều khó khăn và hạn chế nhất định như:

+ Trang thiết bị dạy học phục vụ dạy học còn thiếu so với nhu cầu học tập, và đổi mới Chương trình Giáo dục THPT 2018 đối với lớp 10.

+ Năm học 2022-2023 là năm tiếp tục thực hiện kỳ thi tốt nghiệp THPT theo hình thức đổi mới, nhà trường triển khai đến tất cả học sinh khối 11, 12 cho các em đăng ký môn thi kỳ thi Quốc gia phù hợp với năng lực của mỗi học sinh; đồng thời tư vấn cho học sinh, CMHS lựa chọn tổ hợp môn phù hợp với năng lực. Từ đó, nhà trường sắp lớp và phân công giáo viên giảng dạy phù hợp với sự lựa chọn của HS. Kỳ thi tốt nghiệp THPT chủ yếu là thi trắc nghiệm, chỉ có môn Ngữ văn là thi tự luận. Do vậy ngay từ đầu năm học, nhà trường đã có phương án giáo dục, ôn tập cho các em nhằm giúp cho HS nắm rõ kiến thức và quy trình thi.

- Nhà trường đã bám sát Chỉ thị của Bộ, sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT đã thực hiện theo quy mô phát triển và đổi mới cách quản lý và phương pháp dạy học của mình. Từ sự đổi mới đó, trường đã gặt hái được những thành quả nhất định về quản lý và giáo dục học sinh; tiêu biểu nhất là kết quả kỳ thi học sinh giỏi vòng tỉnh đã cho thấy được mặt bằng về việc đổi mới phương pháp giảng dạy – KTĐG theo Thông tư 58, Thông tư 26 bổ sung sửa đổi và Thông tư 22 về đánh giá, nhận xét lớp 10; bồi dưỡng của giáo viên nhà trường trong thời gian qua.

- Công tác tổ chức nghiên cứu khoa học và tham gia cuộc thi KHKT: Công tác tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật được nhà trường quan tâm. Bộ phận KHCN nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể về tổ chức hoạt động nghiên cứu và tham gia các cuộc thi về khoa học công nghệ. Nhà trường đã tổ chức thi vòng trường và đã chọn được 01 sản phẩm dự thi cấp Tỉnh, tuy nhiên do việc cập nhật lịch nộp sản phẩm còn chưa kịp thời nên việc thực hiện còn chậm trễ.

*** Kết quả giáo dục:**

- Tỷ lệ học sinh giỏi, khá học kỳ I tăng tương đối cao; tỷ lệ HS yếu đã giảm so với cùng kỳ năm học trước.

+ Giỏi: 123 em (chiếm 17.4%) (Cao hơn cùng kỳ năm trước).

+ Khá: 275 em (chiếm 38.8%) (thấp hơn cùng kỳ năm trước, do loại Giỏi tăng).

STT	SĨ SỐ	HS NỮ		GIỎI		KHÁ		TRUNG BÌNH		YẾU		KÉM	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG	708	375	52.97%	123	17.37%	275	38.84%	264	37.29%	45	6.36%	1	0.14%
Khối 11	359	191	53.20%	67	18.66%	128	35.65%	134	37.33%	29	8.08%	1	0.28%
Khối 12	349	184	52.72%	56	16.05%	147	42.12%	130	37.25%	16	4.58%	0	0.00%

STT	SĨ SỐ	HS NỮ		TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG	377	189	50.13%	32	8.49%	157	41.64%	155	41.11%	33	8.75%
Khối 10	377	189	50.13%	32	8.49%	157	41.64%	155	41.11%	33	8.75%

- Tỷ lệ học sinh được xếp loại hạnh kiểm từ khá trở lên là 1061/1085 em (chiếm 97.8%), cao hơn so với cùng kỳ năm học trước. Tuy nhiên vẫn còn có 03 học sinh xếp hạnh kiểm mức yếu. Nhà trường cũng đã tiến hành các biện pháp giáo dục nhằm giúp đỡ cho học sinh tiến bộ hơn trong học kỳ 2.

Khối 11, 12

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS NỮ		TỐT		KHÁ		TRUNG BÌNH		YẾU	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG		708	375	52.97%	594	83.90%	93	13.14%	18	2.54%	3	0.42%
Khối 11		359	191	53.20%	298	83.01%	46	12.81%	15	4.18%	0	0.00%
Khối 12		349	184	52.72%	296	84.81%	47	13.47%	3	0.86%	3	0.86%

Khối 10

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS NỮ		TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG		377	189	50.13%	335	88.86%	39	10.34%	3	0.80%	0	0.00%
Khối 10		377	189	50.13%	335	88.86%	39	10.34%	3	0.80%	0	0.00%

+ Học sinh giỏi văn hóa lớp 12 cấp Tỉnh: đạt 14 giải (tăng 01 giải so với năm học 2021-2022).

+ Hội thao Quốc phòng – An Ninh cấp Tỉnh xếp thứ 12 toàn đoàn.

+ Học sinh giỏi Olympic lớp 10, 11 cấp Trường: đạt 82 giải.

+ Sáng kiến đạt vòng trường với số lượng: 27 và gửi 18 đề tài sáng kiến đề nghị công nhận cấp Ngành.

Nhìn chung, các hoạt động giảng dạy và giáo dục vẫn được nhà trường duy trì và tổ chức thực hiện khá tốt, tỷ lệ hai mặt giáo dục của nhà trường ngày càng tăng và giữ vững. Đội ngũ CB, giáo viên luôn cố gắng, thường xuyên trau dồi chuyên môn nghiệp vụ để cống hiến cho sự nghiệp giáo dục.

* Tình hình kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ 1

- Việc tổ chức ôn tập, kiểm tra học kỳ I được nhà trường lập kế hoạch chỉ đạo sâu sát tới từng giáo viên, từng tổ chuyên môn. Vì vậy, việc tổ chức ôn tập cho học sinh rất chu đáo được GV bám sát cấu trúc đề do Sở GD&ĐT, nhà trường hướng dẫn, chỉ đạo, đa số các em đều có đề cương ôn tập.

- Thực hiện hướng dẫn kiểm tra HKI của Sở GD-ĐT, nhà trường đã ban hành Hướng dẫn số 25/HD-THPT ngày 27/10/2022 về việc tổ chức kiểm tra Giữa kỳ I và Hướng dẫn số 31/HD-THPT ngày 09/12/2022 về việc tổ chức kiểm tra Cuối kỳ I, năm học 2022-2023 và đã tổ chức kiểm tra HKI nghiêm túc, đúng quy chế. Việc xây dựng ngân hàng đề, ma trận đến khâu làm đề, chấm bài, trả bài đúng quy chế. Được sự kết hợp đồng bộ; sự phân công nhiệm vụ cụ thể nên kết quả thu lại được đánh giá thành công tốt đẹp.

- Kết quả điểm kiểm tra Cuối kỳ 1, năm học 2022-2023 (Phụ lục 1 đính kèm).

3. Công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống học sinh

Tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được từ những năm học trước; công tác giáo dục tư tưởng đạo đức, kỹ năng sống, giáo dục pháp luật cho học sinh luôn được nhà trường quan tâm. Nhà trường đã chỉ đạo, quán triệt các nội dung giáo dục đến toàn thể 30 GVCN lớp, thực hiện công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, nhân cách cho HS trong tiết sinh hoạt chủ nhiệm, đồng thời phối hợp với GVBM tăng cường giáo dục mọi mặt cho HS. Do đó, đa số các em học sinh đều có tư tưởng, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu rõ đức tính cần có của một học sinh, luôn có ý thức phấn đấu để trở thành một công dân tốt, phấn đấu đạt thành tích cao trong học tập cũng như trong việc đẩy lùi các tệ nạn xã hội, trong và ngoài nhà trường. Thể hiện rõ qua các mặt sau:

Đa số các em học sinh đều yêu trường, yêu lớp, quý mến bạn bè, biết giúp đỡ nhau về nhiều mặt trong học tập cũng như trong rèn luyện và tu dưỡng đạo đức. Các em đã ý thức hơn về vấn đề học tập của bản thân: *“Học để hiểu biết; học để tiếp thu các tinh hoa của nhân loại; học để nâng cao trí thức phục vụ bản thân, phục vụ xã hội ...”*.

Các phong trào thi đua và các hoạt động khác do Đoàn trường, BGH nhà trường phát động đều được các em tham gia hưởng ứng một cách nhiệt tình như: Thi đua lập thành tích cao trong học tập và rèn luyện đạo đức chào mừng các ngày lễ lớn trong năm, tham gia hưởng ứng các phong trào, đẩy mạnh việc *“Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”* và phong trào *“Xây dựng trường học thân thiện và học sinh tích cực”*.

4. Công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

Nhà trường thường xuyên quán triệt CB, GV, NV đẩy mạnh công tác tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Trong HKI, do còn thiếu kinh phí nên nhà trường chưa bổ sung một số trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ 2018 đối với lớp 10.

Nhà trường luôn định hướng và khuyến khích CB, GV tăng cường học tập, tự nghiên cứu, bồi dưỡng năng lực chuyên môn đáp ứng với yêu cầu dạy và học trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là Chương trình giáo dục lớp 10.

Công tác đổi mới hoạt động quản lý ngày một cải thiện, đáp ứng yêu cầu thực tế trong giai đoạn hiện nay. CB, GV của nhà trường đã tham gia tập huấn đầy đủ các modul về Chương trình giáo dục 2018 và các hoạt động đổi mới quản lý giáo dục do Sở GD&ĐT tổ chức.

5. Công tác nhập điểm, đánh giá, xếp loại học lực, hạnh kiểm trên Vnedu

Nhà trường thường xuyên chỉ đạo, quán triệt GVBM, GVCN thực hiện đúng quy chế nhập điểm, đánh giá, nhận xét điểm thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ; đánh giá nhận xét học lực, hạnh kiểm theo Thông tư 58, 26 và Thông tư 22 của Bộ GD&ĐT. Ban giám hiệu nhà trường gửi điểm và kết quả học tập của học sinh cho CMHS đúng quy định.

III. Các đề xuất, kiến nghị: Không

Trên đây là báo cáo sơ kết học kì 1, năm học 2022-2023 của trường THPT Thanh Hòa./.

Nơi nhận:

- Sở GD-ĐT Bình Phước;
- CB-GV-NV-HS nhà trường;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG



Trương Thanh Bình

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm Báo cáo số 03/BC-THPT ngày 09/01/2023 của trường THPT Thanh Hòa)

STT	Môn	Số học sinh	Số HS đã KT	DDGck (CK)															
				0 <= Điểm < 2		2 <= Điểm < 3.5		3.5 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		Dưới TB		TB trở lên	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Toán học	378	378	3	0.79%	36	9.52%	82	21.69%	116	30.69%	107	28.31%	34	8.99%	121	32.01%	257	67.99%
2	Ngữ văn	378	378	0	0.00%	2	0.53%	30	7.94%	152	40.21%	176	46.56%	18	4.76%	32	8.47%	346	91.53%
3	Vật lí	156	156	0	0.00%	8	5.13%	18	11.54%	32	20.51%	53	33.97%	45	28.85%	26	16.67%	130	83.33%
4	Hóa học	156	156	1	0.64%	4	2.56%	16	10.26%	35	22.44%	56	35.90%	44	28.21%	21	13.46%	135	86.54%
5	Lịch sử	378	378	0	0.00%	1	0.26%	30	7.94%	93	24.60%	154	40.74%	100	26.46%	31	8.20%	347	91.80%
6	Địa lí	222	222	0	0.00%	3	1.35%	11	4.95%	38	17.12%	79	35.59%	91	40.99%	14	6.31%	208	93.69%
7	Sinh học	156	156	0	0.00%	0	0.00%	8	5.13%	28	17.95%	51	32.69%	69	44.23%	8	5.13%	148	94.87%
8	Ngoại ngữ	378	378	2	0.53%	43	11.38%	127	33.60%	122	32.28%	60	15.87%	24	6.35%	172	45.50%	206	54.50%
9	Công nghệ	155	155	0	0.00%	1	0.65%	17	10.97%	51	32.90%	48	30.97%	38	24.52%	18	11.61%	137	88.39%
10	Tin học	302	302	0	0.00%	8	2.65%	56	18.54%	118	39.07%	74	24.50%	46	15.23%	64	21.19%	238	78.81%
11	GDQP-AN	378	378	0	0.00%	0	0.00%	15	3.97%	106	28.04%	144	38.10%	113	29.89%	15	3.97%	363	96.03%
12	GDKT-PL	222	222	0	0.00%	1	0.45%	20	9.01%	84	37.84%	96	43.24%	21	9.46%	21	9.46%	201	90.54%
13	CNNN	143	143	0	0.00%	8	5.59%	17	11.89%	47	32.87%	43	30.07%	28	19.58%	25	17.48%	118	82.52%
Khối 10			3402	6	0.18%	115	3.38%	447	13.14%	1022	30.04%	1141	33.54%	671	19.72%	568	16.70%	2834	83.30%
1	Toán học	359	359	5	1.39%	40	11.14%	69	19.22%	84	23.40%	101	28.13%	60	16.71%	114	31.75%	245	68.25%
2	Ngữ văn	359	359	2	0.56%	2	0.56%	21	5.85%	106	29.53%	164	45.68%	64	17.83%	25	6.96%	334	93.04%
3	Vật lí	359	359	7	1.95%	40	11.14%	83	23.12%	102	28.41%	84	23.40%	43	11.98%	130	36.21%	229	63.79%
4	Hóa học	359	359	2	0.56%	15	4.18%	44	12.26%	85	23.68%	96	26.74%	117	32.59%	61	16.99%	298	83.01%
5	Lịch sử	359	359	1	0.28%	5	1.39%	34	9.47%	76	21.17%	130	36.21%	113	31.48%	40	11.14%	319	88.86%
6	Địa lí	359	359	2	0.56%	6	1.67%	18	5.01%	80	22.28%	171	47.63%	82	22.84%	26	7.24%	333	92.76%
7	Sinh học	359	359	1	0.28%	13	3.62%	37	10.31%	95	26.46%	125	34.82%	88	24.51%	51	14.21%	308	85.79%
8	Ngoại ngữ	359	359	5	1.39%	53	14.76%	88	24.51%	82	22.84%	87	24.23%	44	12.26%	146	40.67%	213	59.33%
9	GDGD	359	359	2	0.56%	5	1.39%	52	14.48%	94	26.18%	117	32.59%	89	24.79%	59	16.43%	300	83.57%
10	Công nghệ	359	359	2	0.56%	3	0.84%	21	5.85%	53	14.76%	95	26.46%	185	51.53%	26	7.24%	333	92.76%
11	Tin học	359	359	3	0.84%	9	2.51%	34	9.47%	84	23.40%	116	32.31%	113	31.48%	46	12.81%	313	87.19%
12	GDQP	359	359	0	0.00%	0	0.00%	1	0.28%	32	8.91%	65	18.11%	261	72.70%	1	0.28%	358	99.72%
13	Nghề PT	359	359	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	5	1.39%	45	12.53%	309	86.07%	0	0.00%	359	100.00%
Khối 11			4667	32	0.69%	191	4.09%	502	10.76%	978	20.96%	1396	29.91%	1568	33.60%	725	15.53%	3942	84.47%
1	Toán học	349	349	0	0.00%	23	6.59%	65	18.62%	100	28.65%	89	25.50%	72	20.63%	88	25.21%	261	74.79%
2	Ngữ văn	349	349	1	0.29%	1	0.29%	31	8.88%	143	40.97%	149	42.69%	24	6.88%	33	9.46%	316	90.54%
3	Vật lí	349	349	7	2.01%	42	12.03%	89	25.50%	102	29.23%	82	23.50%	27	7.74%	138	39.54%	211	60.46%
4	Hóa học	349	349	2	0.57%	65	18.62%	126	36.10%	96	27.51%	49	14.04%	11	3.15%	193	55.30%	156	44.70%
5	Lịch sử	349	349	0	0.00%	14	4.01%	52	14.90%	94	26.93%	136	38.97%	53	15.19%	66	18.91%	283	81.09%
6	Địa lí	349	349	0	0.00%	1	0.29%	41	11.75%	151	43.27%	138	39.54%	18	5.16%	42	12.03%	307	87.97%
7	Sinh học	349	349	3	0.86%	40	11.46%	99	28.37%	110	31.52%	83	23.78%	14	4.01%	142	40.69%	207	59.31%
8	Ngoại ngữ	349	349	2	0.57%	28	8.02%	136	38.97%	131	37.54%	36	10.32%	16	4.58%	166	47.56%	183	52.44%
9	GDGD	349	349	0	0.00%	0	0.00%	6	1.72%	65	18.62%	134	38.40%	144	41.26%	6	1.72%	343	98.28%
10	Công nghệ	349	349	0	0.00%	1	0.29%	3	0.86%	3	0.86%	12	3.44%	330	94.56%	4	1.15%	345	98.85%
11	Tin học	349	349	0	0.00%	2	0.57%	18	5.16%	43	12.32%	114	32.66%	172	49.28%	20	5.73%	329	94.27%
12	GDQP	349	349	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	13	3.72%	70	20.06%	266	76.22%	0	0.00%	349	100.00%
Khối 12			4188	15	0.36%	217	5.18%	666	15.90%	1051	25.10%	1092	26.07%	1147	27.39%	898	21.44%	3290	78.56%

PHỤ LỤC 2

BẢNG CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022-2023

(Đính kèm Báo cáo số 03/BC-THPT ngày 09/01/2023 của trường THPT Thanh Hòa)

THỨ TỰ	TÊN CHỈ TIÊU	Kết quả Năm học 2021-2022	Chỉ tiêu Năm học 2022-2023	Kết quả Học kì 1	Ghi chú	
1	Tỷ lệ học sinh bỏ học	5 HS	5 HS	5	Đ	
2	Tỷ lệ lên lớp thẳng	95%	95%			
3	Tỷ lệ lên lớp sau thi lại	98.5%	98,5%			
4	Học lực	Khối 11, 12	▪ G: 24,9%	▪ G: 15%	▪ 17.4%	Vượt
			▪ K: 42,8 %	▪ K: 45%	▪ 38.4%	CĐ
			▪ TB: 28,1%	▪ TB: 25%	▪ 37.3%	Vượt
			▪ Yếu: 4.1%	▪ Yếu: 4%	▪ 6.4%	CĐ
		Khối 10	▪ Kém: 0.1%	▪ Kém: 0%	▪ 0.1%	CĐ
			▪ T:	▪ T: 15%	▪ 8.5%	CĐ
			▪ K:	▪ K: 45%	▪ 41.6%	CĐ
			▪ Đ:	▪ Đ: 25%	▪ 41.1%	CĐ
▪ CĐ:	▪ CĐ: 4%	▪ 8.8%	CĐ			
5	Hạnh kiểm	Khối 11, 12	▪ T: 82,8%	▪ T: 83%	▪ 83.9%	Vượt
			▪ K: 16.0%	▪ K: 16%	▪ 13.1%	CĐ
			▪ TB: 1.2%	▪ TB: 1%	▪ 2.5%	Vượt
			▪ Yếu: 0%	▪ Yếu: 0%	▪ 0.4%	CĐ
		Khối 10	▪ T:	▪ T: 83%	▪ 88.9%	Vượt
			▪ K:	▪ K: 16%	▪ 10.3%	CĐ
			▪ Đ:	▪ Đ: 1%	▪ 0.8%	Đ
			▪ CĐ:	▪ CĐ: 0%	▪ 0%	Đ
6	Danh hiệu	Khối 11, 12	▪ HS Giỏi: 24,9%	▪ HS Giỏi: 15%	▪ 17.4%	Vượt
			▪ HS TT: 42,8 %	▪ HS TT: 45%	▪ 38.8%	CĐ
		Khối 10	▪ HS XS:	▪ HS XS: 1.5%	▪	▪
			▪ HS Giỏi:	▪ HS Giỏi: 10%	▪	▪
7	Học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 12	13	15	14	CĐ	
8	Học sinh giỏi Olympic 19/5	Không tổ chức	30 huy chương			
9	Hội khỏe Phù đổng/ TDTT của HS	Không tổ chức	Tốp 10			
10	Hội thao Quốc phòng an ninh HS	Không tổ chức	Top 10	12 toàn đoàn	CĐ	
11	Tỷ lệ Tốt nghiệp THPT	- 97.1/97.1 - 53.6/54.6	- Bằng tỉ lệ TN Tỉnh - Bằng điểm TBM Tỉnh	-	-	

12	Đề tài Sáng kiến đạt cấp trường	31	31	27	CD
13	Đề tài Sáng kiến đạt cấp ngành	17	17		
14	Đề tài Sáng kiến đạt cấp tỉnh	0	01		
15	Kiểm tra toàn diện	25	20		
16	Giáo viên dạy giỏi cấp trường	13	15		
17	Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh	Không tổ chức	3		
18	Lao động tiên tiến	87/90 (97%)	95%		
19	Sở khen	26 (30%)	26		
20	Chiến sĩ thi đua cơ sở	13 (15%)	13		
21	Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh	0	01		
22	Ủy ban nhân dân tỉnh khen	7/10	7		
23	Tổ lao động xuất sắc (Sở khen)	2	2		
24	Tổ Lao động tiên tiến	7	7		
25	Đoàn TN CSHCM	HTXS NV	HTSX NV		
26	Công đoàn	HTTNV	HTSX NV		
27	Đảng Bộ	HTTNV	HTTNV		
28	Danh hiệu trường Hình thức khen đơn vị	LĐTT GK Sở GD-ĐT	LĐTT GK Sở GD-ĐT		